TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-02-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Hải;

Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng).

Hộ khẩu thường trú: Khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: Khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn Nh, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày yêu cầu:

Bà L và ông Dương Văn Nh chung sống với nhau vào năm 2000, đến năm 2002 mới tổ chức đám cưới, năm 2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau. Do giấy kết hôn ông Nh giữ nên bà mới khai là không

có đăng ký kết hôn, thực tế có đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông Nh không chăm lo cho gia đình, sống không có trách nhiệm với vợ con, còn xúc phạm mẹ ruột bà và đánh đập bà. Trong cuộc sống bà phải lo toan mọi thứ, ông Nh không trung thực trong vấn đề tiền bạc. Cha mẹ hai bên có hòa giải ông Nh hứa sửa đổi không đánh đập bà, nhưng không thực hiện. Hôn nhân không hàn gắn được bà L yêu cầu ly hôn với ông Nh để mỗi người có cuộc sống riêng, hiện tại ông bà đã sống ly thân từ đầu tháng 12 năm 2019 đến nay.

Về con chung: Có 01 người con, tên Dương Gia Đ, sinh ngày 23/7/2013 (nam), từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Đ sống chung với mẹ, khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Dương Văn Nh trình bày:

Ông Nh và bà Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 256 quyển số 02/2004, không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ. Nếu bà L quyết tâm ly hôn thì cháu Dương Gia Đ có quyền theo cha hoặc theo mẹ, nếu ai nuôi dưỡng thì có trách nhiệm lo cho cháu học, nếu theo mẹ thì ông Nh cấp dưỡng nuôi cháu ăn học.

Tài sản chung để lại cho con Dương Gia Đại.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt;

Bị đơn ông Dương Văn Nh không đồng ý ly hôn, trường hợp bà L cương quyết ly hôn thì do Hội đồng xét xử quyết định; về con chung theo nguyện vọng của con, con sống chung với ai thì người đó nuôi, trường hợp sống với mẹ thì ông cấp dưỡng hoặc đóng tiền học cho con; tài sản, công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Dương Văn Nh chung sống với nhau vào năm 2000, đến năm 2002 mới tổ chức đám cưới, năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 256, quyển số 02/2004 ngày 06 tháng 9 năm 2004 của UBND xã H, vì vậy quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống ông bà có những bất hòa không hàn gắn được, bà L cho rằng ông Nh thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, còn xúc phạm mẹ ruột của bà, nhiều lần tha thứ nhưng ông Nh không thay đổi nên bà yêu cầu ly hôn.

Thấy rằng, mâu thuẫn xảy ra gia đình có hòa giải hàn gắn nhưng không thành, kéo dài làm cho mâu thuẫn ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến sống ly thân, trong thời gian sống ly thân cũng không có biện pháp hàn gắn. Mặt khác, ông Nh cũng không có thiện chí hàn gắn hôn nhân điều này được thể hiện Tòa án hai lần tổ chức phiên hòa giải ông Nh đều vắng mặt. Xét thấy, mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về việc xin ly hôn với ông Nh.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác định có 01 người con chung tên Dương Gia Đ, sinh ngày 23/7/2013 (nam), hiện nay sống chung với bà L. Khi ly hôn bà L yêu cầu tiếp tục nuôi cháu, ông Nh có ý kiến là theo nguyện vọng của con, sống chung với ai người đó có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với cháu Đ, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu Đ cho bà L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng bà L phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc xin ly hôn với ông Dương Văn Nh.

Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Dương Văn Nh.

- Về con chung: Giao cháu Dương Gia Đ, sinh ngày 23/7/2013 (nam) cho bà Nguyễn Thị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Hai đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà L phải chịu, bà có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0006938 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí bà L nộp đủ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính